

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ Q  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2020/DS-ST  
Ngày: 18 - 9 - 2020  
“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Định

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Cao Thị Chính

Ông Hồ Đức Toàn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Hồng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 27/2020/TLST-DS ngày 03.3.2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2020/QĐXXST-DS ngày 24.6.2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2020/QĐST-DS ngày 10.7.2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T, địa chỉ: 266-268 N, phường 8, quận 3, TP H; Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn D – Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần H – Trưởng phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng T – CN B, địa chỉ: 98 M, thành phố Q, tỉnh B.

Bị đơn: Bà Lê T, sinh năm 1970, địa chỉ: Tổ 45, khu vực 6, phường L, thành phố Q.

Tại phiên tòa, ông H có mặt; bà T vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng T (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) – do ông Trần H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 10.11.2018 bà Lê T có ký với Ngân hàng T – Chi nhánh B “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng” với hạn mức 20.000.000 đồng; mục đích tiêu dùng cá nhân. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng, theo đó khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 18.9.2020 bà T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 18.741.855 đồng; trong đó gốc: 15.435.266 đồng, lãi quá hạn 3.306.589 đồng. Nay Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu buộc bà T phải thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 18.9.2020 tổng số tiền 18.741.855 đồng, trong đó gốc 15.435.266, lãi quá hạn 3.306.589 đồng, đồng thời tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 19.9.2020 cho đến khi thanh toán hết nợ cho ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết.

*- Bị đơn bà Lê T:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa triệu tập, thông báo bà T đến để làm việc và thực hiện các thủ tục tố tụng khác nhưng bà T không đến Tòa, gây khó khăn cho quá trình thu thập chứng cứ của Tòa.

*\*/ Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 117, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T, buộc bà Lê T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tính đến ngày 18.9.2020 tổng số tiền 18.741.855 đồng và tiếp tục trả phí và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ.*

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng T khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn bà Lê T cư trú tại tổ 45, khu vực 6, phường L, thành phố Q, tỉnh B. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Q.

Tại phiên tòa, bà Lê T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị E.

[2] Ngày 10.11.2018 bị đơn bà Lê T có ký với Ngân hàng T – Chi nhánh B “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng” với hạn mức 20.000.000 đồng; mục đích tiêu dùng cá nhân. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T thường xuyên không thanh toán gốc, lãi, vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng, theo đó khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 18.9.2020 bà T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 18.741.855 đồng; trong đó gốc 15.435.266 đồng, lãi quá hạn 3.306.589 đồng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 18.9.2020 tổng số tiền 18.741.855 đồng; trong đó gốc 15.435.266 đồng, lãi quá hạn 3.306.589 đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19.9.2020 là có căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí DSST: Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị đơn bà T phải chịu, hoàn trả lại cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH2016 ngày 30.12.2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân T:

Buộc bà Lê T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T tính đến ngày 18.9.2020 tổng số tiền 18.741.855 đồng (*Mười tám triệu, bảy trăm bốn mươi một ngàn, tám trăm năm mươi lăm đồng*); trong đó gốc 15.435.266 đồng (*Mười lăm triệu, bốn*

*trăm ba mươi lăm ngàn, hai trăm sáu mươi sáu đồng), lãi quá hạn 3.306.589 đồng (Ba triệu, ba trăm lẻ sáu ngàn, năm trăm tám mươi chín đồng).*

Kể từ ngày 19.9.2020, bà Lê T còn phải chịu lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc cho đến khi trả hết nợ.

2. Về án phí DSST: Bị đơn bà Lê T phải chịu 937.000 đồng (*Chín trăm ba mươi bảy ngàn đồng*); Nguyên đơn Ngân hàng T không phải chịu nên được hoàn lại số tiền 375.000 đồng (*Ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai số 0007615 ngày 26.02.2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND, CCTHADS Tp Q;
- TAND TP.Q;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Định**